

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 250/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 09 - 2021

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Thiện Lai

2. Bà Phạm Xuân Đào

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thúy Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:*** Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 09 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 389/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 05 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 341/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 07 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 308/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23/07/2021 và thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 158/TB-TA ngày 17/8/2021 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1996; địa chỉ: ấp TB, xã TB, huyện VL, tỉnh Vĩnh Long (*có đơn xin vắng mặt*);

2. ***Bị đơn:*** Ông Lê Văn T, sinh năm: 1991; địa chỉ: ấp AM, xã HA, huyện C, tỉnh An Giang (*vắng mặt*);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của bà Nguyễn Thị T, trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn T đi đến hôn nhân vào năm 2014, hôn nhân tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TB, huyện VL. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không tôn trọng lẫn nhau, cả hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không thể sống chung với nhau được nữa, vợ chồng không còn sống chung từ năm 2017 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn T.

- Về con chung: có 01 con chung tên Lê Nguyễn Bảo N, sinh ngày 12/07/2014 hiện con chung đang sống với bà T, khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Bị đơn ông Lê Văn T đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập ông Lê Văn T đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không rõ lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định pháp luật.

Ý kiến giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, bà Nguyễn Thị T được ly hôn nhân với ông Lê Văn T.

- Về quan hệ con chung đề nghị Hội đồng xét xử: Bà Nguyễn Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Nguyễn Bảo N, sinh ngày 12/07/2014, do bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn T và yêu cầu được nuôi con chung, nên quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Lê Văn T với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp An Mỹ, xã Hòa An, huyện C, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện C, tỉnh An Giang.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật, nhưng ông Lê Văn T vắng mặt không lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của ông T không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Văn T.

Bà Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, với lý do: hiện nay do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp nên đi lại khó khăn, nên căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị T.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn T là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TB, huyện VL, tỉnh Vĩnh Long nên theo quy định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vì mâu thuẫn vợ chồng, bà T cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi nhau, nên cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc dẫn đến vợ chồng không còn sống chung từ năm 2017 cho đến nay, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt. Vì vậy, bà T có yêu cầu được ly hôn ông T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên HĐXX chấp nhận.

Về quan hệ con chung: có 01 con chung tên Lê Nguyễn Bảo N, sinh ngày 12/7/2014 hiện con chung đang sống với bà T, khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, nguyện vọng cháu N muốn sống với bà T. Hội đồng xét xử giao con chung cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Do bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị T được chấp nhận nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 273; Điều 227; 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Lê Văn T.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 66, ngày 11 tháng 08 năm 2014 do Ủy ban nhân dân xã TB, huyện VL, tỉnh Vĩnh Long cấp cho bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Nguyễn Bảo N, sinh ngày 12/7/2014, bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0002734 ngày 10/05/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Diệu